

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2025/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA X, KỶ HỌP THỨ BA MƯƠI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-BKTNS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

## 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

### **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Bảo đảm công khai, công bằng, đúng quy định pháp luật, không chồng chéo, trùng lặp và có hiệu quả.

2. Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa, tăng hiệu quả sản xuất lúa tại địa phương.

3. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, hỗ trợ xác định trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu thống kê đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, riêng đối với kinh phí phân bổ năm 2025 là số liệu thống kê đất đai của các huyện, thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định năm 2023.

4. Nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải nộp để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được phân bổ sử dụng hàng năm đảm bảo hiệu quả.

### **Điều 3. Định mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

a) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện: mô hình sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; mô hình, phương án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện: hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn.

2. Hỗ trợ thực hiện công tác quản lý; tăng hiệu quả sử dụng, bảo vệ đất trồng lúa; sản xuất lúa:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí đối với các hoạt động sau:

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

- Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;

- Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn;

b) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông cho đối tượng trực tiếp sản xuất lúa.

#### **Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ**

Nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách địa phương như sau:

1. Phân bổ cho cấp tỉnh 10% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần;

c) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã thuộc cấp tỉnh quản lý;

d) Hàng năm, sau khi phân bổ kinh phí hỗ trợ các hoạt động tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này theo quy định đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, phần kinh phí còn lại (nếu có) được tiếp tục phân bổ cho ngân sách địa phương đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ tại Nghị quyết này và hiệu quả sử dụng kinh phí.

2. Phân bổ cho các địa phương 90% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa (được quy đổi thành 100%) để thực hiện các nội dung sau:

a) Sử dụng không thấp hơn 50% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ cho các nội dung sau:

- Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

- Mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

b) Phần kinh phí còn lại sử dụng cho việc sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

## **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn thu tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa của người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thứ Ba mươi bốn thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2025.

### **Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản và QLXL vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Đăng công báo tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử;
- Hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Lâm Minh Thành**